TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:302 /2023/DSST
Ngày : 07/8/ 2023
V/v Tranh chấp thừa kế QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Hồ.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông **Lê Văn Minh.**
2/ Ông **Phùng Văn Long.**
Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư -** *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.*
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang: Bà **Lê Hoàng Lan Ngọc -** Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 02 đến 07 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp di sản thừa kế theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:
1.1/ Phan Anh K, sinh năm 1988;
1.2/ Phan Thị Hồng D, sinh năm 1994
Người giám hộ của Phan Thị Hồng D là Huỳnh Thị T3, sinh năm 1952
Địa chỉ: Ấp PL, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
1.3/ Phan Thị Thu T, sinh năm 1977;
Địa chỉ: 33/6 khu phố 3, Tân Thới Nhất, quận 12, TP HCM.
1.4/ Phan Thị Thu T1, sinh năm 1976;
Địa chỉ: ấp MT, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
1.5/ Phan Thị Kim T2, sinh năm 1979;
Địa chỉ: ấp BN, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.
1.6/ Phan Thị Kim C, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp PQ, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền của Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2, Phan Thị Kim C là anh Nguyễn Minh Trường S, sinh năm 1977 (Có mặt);
Địa chỉ: 15 khu phố 4, phường 10, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Phan Văn H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp PL, xã PP, huyện CT, Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Phạm Chí T4, sinh năm 1976 (Có mặt);
Địa chỉ: Số 59/3 tổ 3, ấp 3, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.
3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
3.1/ Huỳnh Văn L, sinh năm 1962(Có mặt);
3.2/ Huỳnh Văn H1, sinh năm 1966(Có mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp PL, xã PP, huyện CT, Tiền Giang.
3.3/ Huỳnh Thị L1, sinh năm 1964 (Vắng mặt);
Địa chỉ: ấp BN, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.
3.4/ Huỳnh Thị B, sinh năm 1944;
Địa chỉ: ấp Đông Hòa, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Phạm Chí T4, sinh năm 1976(Có mặt);
Địa chỉ: Số 59/3 tổ 3, ấp 3, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
3.5/ Phan Văn S, sinh năm 1954;
Địa chỉ: Ấp PL, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Phạm Chí T4, sinh năm 1976(Có mặt);
Địa chỉ: Số 59/3 tổ 3, ấp 3, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.
3.6/ Phan Trung H2, sinh năm 1980(Vắng mặt);
3.7/ Trương Thị Út E, sinh năm 1981(Vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp PL, xã PP, huyện CT, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C trình bày:*

Ông Trần Văn M sinh năm 1918 (Chết năm 1959) và bà Phan Thị H3 sinh năm 1922 (Chết năm 2008), ông M và bà H3 có 06 người con gồm:

1/ Huỳnh Văn B1 (Đã chết) có 03 người con gồm Huỳnh Văn L sinh năm 1962, Huỳnh Thị L1 sinh năm 1964 và Huỳnh Văn H1 sinh năm 1966.

2/ Huỳnh Thị B sinh năm 1944.

3/ Phan Văn T5 (Đã chết không có vợ con).

4/ Phan Văn S sinh năm 1964.

5/ Phan Văn N sinh năm 1962 (Chết năm 2014) có vợ là Huỳnh Thị T3 sinh năm 1952 và 06 người con gồm Phan Thị Thu T1 sinh năm 1976, Phan Thị Thu T sinh năm 1977, Phan Thị Kim T2 sinh năm 1979, Phan Thị Kim C sinh năm 1982, Phan Anh K sinh năm 1988 và Phan Thị Hồng D sinh năm 1994.

6/ Phan Văn H (Là bị đơn).

Lúc còn sống ông M và bà H3 có tài sản là 2.620m^2 thuộc thửa 244, Tờ bản đồ số 01 tại ấp Phú Long xã Phú Phong huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phan Thị H3, trên diện tích đất này ông M và bà H3 có xây cất một căn nhà cấp 4 để làm nơi sinh sống và làm nhà thờ. Ông M chết năm 1959, bà H3 chết năm 2008 không để lại di chúc, ông H là người trực tiếp quản lý và sử

dụng nhà và đất cho đến nay. Đến năm 2015 ông Phan Văn N là cha của các nguyên đơn chết.

Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông M và bà H3 để lại là 2.620m^2 thuộc thửa 244, Tờ bản đồ số 01 tại ấp Phú Long xã Phú Phong huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phan Thị H3 và căn nhà gắn liền trên đất, cụ thể như sau:

- Đối với căn nhà thờ các nguyên đơn yêu cầu tiếp tục để làm nhà thờ thuộc sở hữu chung của các đồng thừa kế dùng để thờ cúng ông bà, giao cho Phan Văn H tiếp tục ở và quản lý căn nhà không được sang bán cho người khác.

- Đối với 2.620m^2 thuộc thửa 244, Tờ bản đồ số 01 tại ấp Phú Long xã Phú Phong huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang các nguyên đơn yêu cầu chia đều cho 05 đồng thừa kế, mỗi người một kỷ phần thừa kế bằng nhau ước lượng khoảng 40.000.000đ, các nguyên đơn yêu cầu được nhận kỷ phần có có lối đi vào nhà của các nguyên đơn bởi vì hiện tại các nguyên đơn đi nhờ trên phần đất chia thừa kế.

** Theo bị đơn ông Phan Văn H trình bày:*

Bà Phan Thị H3 sinh năm 1921 (Chết năm 2008) là mẹ của ông có 02 đời chồng:

1/ Ông Huỳnh Văn D1 (chết năm 1947), bà H3 sống với ông D1 có 02 người con chung là ông Huỳnh Văn B1 sinh năm 1942 (chết năm 1970) và bà Huỳnh Thị B sinh năm 1945.

2/ Ông Trần Văn M (chết năm 1963), bà H3 sống với Ông M có 03 người con chung là ông Phan Văn N sinh năm 1952 (chết năm 2012), ông Phan Văn S sinh năm 1954 và ông Phan Văn H sinh năm 1963.

Khi còn sống mẹ ông tạo lập được 27.610m^2 đất và căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m^2 tọa lạc ấp PL, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Mẹ ông đã chia đất cho các con như sau: cho gia đình ông Huỳnh Văn B1 6.000m^2, ông Phan Văn N 8.000m^2, cho ông Phan Văn S 6.000m^2; riêng ông do sức khỏe kém, không có gia đình và sống chung với mẹ nên chưa được chia đất riêng. Phần diện tích còn lại 7.610m^2 mẹ ông đã được UBND huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 515/UBND vào ngày 11/11/1996.

Do gia đình gặp khó khăn nên lần lượt vào năm 2002 mẹ ông đã bán cho Nguyễn Anh T5 1.300m^2 đất và bán cho Hứa Thị Bé B2 2.990m^2 vào năm 2007. Phần đất còn lại của mẹ ông bao gồm 700m^2 đất nghĩa địa, 2.620m^2 đất thổ quả và căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m^2 .

Năm 2008 mẹ ông chết nhưng không để lại di chúc, ông trực tiếp quản lý phần nhà và đất trên. Tuy nhiên do sức khỏe không tốt nên cũng trong năm 2008, ông đã cho cháu ông là Phan Trung H2 sinh năm 1980 cùng vợ là Trương Thị Út E sinh năm 1981 về ở chung để cùng nhau canh tác trên phần đất này. Trong quá

trình sống chung nhà, ông cùng vợ chồng cháu của ông đã bỏ tiền ra làm mái che cũng như góp sức để tôn tạo lại phần đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông yêu cầu được nhận đất và sẽ trả lại giá trị phần được hưởng cho các nguyên đơn bằng tiền, lý do hiện ông đang thờ cúng mẹ ông và ông cũng không còn nơi nào để ở ngoài phần nhà và đất trên. Trường hợp các nguyên đơn đòi nhận lại đất, ông yêu cầu phía nguyên đơn phải trả lại tài sản trên đất cho cháu ông là Phan Trung H2 cùng vợ là Trương Thị Út E do vợ chồng cháu ông đã bỏ tiền và công sức để tôn tạo lại phần đất này từ năm 2008 cho đến nay.

** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B và ông Huỳnh Văn S trình bày:*

Bà B và ông S thống nhất với lời trình bày ông H về nguồn gốc đất cũng như tài sản mà mẹ của ông bà là bà Nguyễn Thị Hai sinh năm 1921 (chết năm 2008) để lại. Do mẹ của ông bà lúc chết không để lại di chúc nên ông H đã trực tiếp quản lý phần nhà và đất trên từ năm 2008. Do ông H sức khỏe yếu không lao động được nhiều nên đã cho cháu Phan Trung H2 sinh năm 1980 cùng vợ là Trương Thị Út E sinh năm 1981 về ở chung để cùng nhau canh tác trên phần đất này. Vợ chồng cháu Hoàng đã bỏ tiền ra để làm mái che cũng như góp sức để tôn tạo lại phần đất. Hiện nay ông Sáu và bà Bé đã có nhà đất riêng nên ông bà thống nhất để lại phần di sản được hưởng theo pháp luật nhường lại cho ông H để ông H tiếp tục thờ cúng bà H3.

** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Huỳnh Thị L1, Huỳnh Văn H1 trình bày:*

Ông Trần Văn M sinh năm 1918 (chết năm 1959) và bà Phan Thị H3 sinh năm 1922 (chết năm 2008) là ông bà nội của ông bà. Lúc Ông M bà H3 chết không để lại di chúc, Ông M bà H3 có 06 người con:

1/ Huỳnh Văn B1 chết năm 1966, có 03 người con gồm Huỳnh Văn L sinh năm 1962, Huỳnh Thị L1 sinh năm 1964 và Huỳnh Văn H1 sinh năm 1966.

2/ Huỳnh Thị B

3/ Phan Văn T5 (đã chết, không có vợ con)

4/ Phan Văn S

5/ Phan Văn H

6/ Phan Văn N (chết năm 2015), có vợ là Huỳnh Thị T3 và 06 người con gồm Phan Thị Thu T1 sinh năm 1976, Phan Thị Thu T sinh năm 1977, Phan Thị Kim T2 sinh năm 1979, Phan Thị Kim C sinh năm 1982, Phan Anh K sinh năm 1988 và Phan Thị Hồng D sinh năm 1994.

Lúc sinh thời Ông M bà H3 có tạo lập được 2.620m^2 đất và căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m^2 tọa lạc ấp PL, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang . Khi chết Ông M bà H3 không để lại di chúc nên ông Phan Văn H là người trực tiếp quản lý phần đất và nhà trên. Nay ông L, ông Hải và bà L1 có yêu cầu độc lập như sau:

- Đối với căn nhà thờ: đồng ý để ông H tiếp tục quản lý và không được quyền sang bán.

- Đối với diện tích đất 2.620m^2 : yêu cầu chia đều cho 5 đồng thừa kế, mỗi người 01 phần bằng nhau, ước lượng giá trị khoảng 40.000.000đồng.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Trung H2 và Trương Thị Út E đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, do vậy Tòa án không thể thu thập ý kiến của ông Hoàng và bà Em về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Ông Nguyễn Minh Trường S đại diện ủy quyền của các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông M và bà H3 để lại là 2.620m^2 thuộc thửa 244, Tờ bản đồ số 01 tại ấp Phú Long xã Phú Phong huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phan Thị H3 chia đều cho 05 đồng thừa kế, mỗi người một kỷ phần thừa kế bằng nhau ước lượng khoảng 40.000.000đ, các nguyên đơn yêu cầu được nhận kỷ phần có có lối đi vào nhà của các nguyên đơn bởi vì hiện tại các nguyên đơn đi nhờ trên phần đất chia thừa kế. Đối với căn nhà thờ các nguyên đơn yêu cầu tiếp tục để làm nhà thờ thuộc sở hữu chung của các đồng thừa kế dùng để thờ cúng ông bà, giao cho Phan Văn H tiếp tục ở và quản lý căn nhà không được sang bán cho người khác.

Ông Phạm Chí T4 đại diện ủy quyền của bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông H yêu cầu được nhận đất và sẽ trả lại giá trị phần được hưởng cho các nguyên đơn bằng tiền, lý do hiện ông đang thờ cúng mẹ ông và ông cũng không còn nơi nào để ở ngoài phần nhà và đất trên. Trường hợp các nguyên đơn đòi nhận lại đất, ông yêu cầu phía nguyên đơn phải trả lại giá trị tài sản trên đất cho cháu ông là Phan Trung H2 cùng vợ là Trương Thị Út E đã bỏ tiền và công sức để tôn tạo lại phần đất này.

Ông Phạm Chí T4 đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B và ông Phan Văn S trình bày hiện nay ông Sáu và bà Bé đã có nhà đất riêng nên ông bà thống nhất để lại phần di sản được hưởng theo pháp luật nhường lại cho ông H để ông H tiếp tục thờ cúng bà H3.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Thị L1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 2.620m^2 yêu cầu chia đều cho 5 đồng thừa kế, mỗi người 01 phần bằng nhau, ước lượng giá trị khoảng 40.000.000đồng. Ông L, Ông Hải và bà L1 yêu cầu được nhận giá trị. Đối với căn nhà thờ ông L, ông Hải và bà L1 đồng ý để ông H tiếp tục quản lý và không được quyền sang bán.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Trung H2 và Trương Thị Út E đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyến định xét xử vắng mặt ông Hoàng và bà Út Em.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo qui định của pháp luật nên Kiểm sát viên không có ý kiến.

Về nội dung Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Huỳnh Thị L1 và Huỳnh Văn H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Huỳnh Thị L1 và Huỳnh Văn H1 với bị đơn Phan Văn H là tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, theo qui định tại khoản 5 điều 26, điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Huỳnh Thị L1 và Huỳnh Văn H1. Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Phan Thị H3 chết ngày 13/10/2008, ngày 26/01/2018 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của bà H3, ngày 17/10/2019 ông L, bà L1 và ông Hải có đơn yêu cầu độc lập. Do vậy căn cứ vào khỏan 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn. Theo các tài liệu chứng cứ và sự khai nhận thống nhất giữa các đương sự đủ cơ sở xác định:

Bà Phan Thị H3 sinh năm 1922 (chết năm 2008) ông Phan Văn T5 chết năm 1979 chưa có vợ con. Do vậy hàng thừa kế thứ nhất của bà H3 gồm:

1/ Huỳnh Văn B1 (Chết năm 1966) có 03 người con gồm Huỳnh Văn L sinh năm 1962, Huỳnh Thị L1 sinh năm 1964 và Huỳnh Văn H1 sinh năm 1966 thừa kế thế vị.

2/ Huỳnh Thị B sinh năm 1944.

3/ Phan Văn S sinh năm 1964.

4/ Phan Văn N sinh năm 1962 (Chết năm 2014) có vợ là Huỳnh Thị T3 sinh năm 1952 và 06 người con gồm Phan Thị Thu T1 sinh năm 1976, Phan Thị Thu T sinh năm 1977, Phan Thị Kim T2 sinh năm 1979, Phan Thị Kim C sinh năm 1982, Phan Anh K sinh năm 1988 và Phan Thị Hồng D sinh năm 1994 nhận thay phần di sản của ông Năm.

5/ Phan Văn H (Là bị đơn).

Di sản bà H3 để lại gồm 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m^2 (Đo đạc thực tế là 82,2m^2), nhà phụ 49,1m^2 và 2.620m^2 (Đo đạc thực tế là 2,348,4m^2) tại ấp Phú Long xã Phú Phong huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang thửa 244 tờ bản đồ số 1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00515.QSDĐ/DP ngày 11/11/1996 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Phan Thị H3

Xét yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Huỳnh Thị L1 và Huỳnh Văn H1. Xét thấy bà H3 sau khi chết các bên đương sự đều thừa nhận bà H3 không có để lại di chúc, do đó nếu có tranh chấp sẻ được chia theo pháp luật cho 05 kỷ phần thừa kế.

Đối với phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 2.348.4m^2 của bà H3. Các đương sự đều khai nhận khi bà H3 còn sống, ông H là người trực tiếp quản lý sử dụng, cải tạo đất. Sau khi bà H3 chết thì ông H cũng tiếp tục giữ gìn và cải tạo sử dụng đất.

Xét thấy trên phần diện tích đất mà các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Huỳnh Thị L1 và Huỳnh Văn H1 yêu cầu phân chia thì ông H có xây dựng mở rộng thêm căn nhà cất cho bà H3 căn nhà này các nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất không yêu cầu chia thừa kế mà để ông H tiếp tục quản lý để thờ cúng ông bà. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác theo qui định của pháp luật.

Đối với tài sản trên đất ông H trình bày vợ chồng anh Hoàng và chị Út Em có sửa chữa nhà và trồng cây trên thửa đất tranh chấp. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án phía ông H và vợ chồng anh Hoàng chị Út Em là người quản lý di sản đều vắng mặt trong các phiên hòa giải công khai chứng cứ và các lần thẩm định định giá tại chỗ cụ thể vào các ngày 24/6/2020 (Có mặt ông H, vắng mặt anh Hoàng và chị Út Em), ngày 09/12/2020, ngày 02/6/2021 (Vắng mặt ông H và vợ chồng anh Hoàng, chị Út Em) nên không thể tiến hành định giá tài sản trên đất được.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không xem xét phần tài sản trên đất mà tách ra thành một vụ kiện dân sự khác theo khi các đương sự có yêu cầu, nếu

ông H, anh Hoàng và chị Út Em có tranh chấp tài sản trên đất thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác theo qui định của pháp luật.

- Như vậy tổng giá trị di sản mà bà H3 để lại là 2.348,4m^2 : 05 kỷ phần = 469,7m^2, theo biên bản định giá ngày 24/6/2020 giá trị thực tế quyền sử dụng đất tại địa phương là 600.000đ/m^2. Như vậy mỗi kỷ phần thừa kế trị giá 469,7m^2 x 600.000đ/m^2 = 281.820.000đ.

- Kỷ phần ông Phan Văn H, ông Phan Văn Bé và bà Huỳnh Thị Sáu được nhận là 469,7m^2 x 3 = 1.409.04m^2.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông Phan Văn N do các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C là 469,7m^2 đất. Tuy nhiên theo đại diện ủy quyền của các nguyên đơn trình bày phía anh Kiệt và các nguyên đơn đi ra đường đi công cộng trên phần đất chia thừa kế không còn lối đi nào khác. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chia cho các nguyên đơn 469,7m^2 là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 do con ông Bé là Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Thị L1 nhận là 469,7m^2 đất. Tuy nhiên ông L, ông Hải và bà L1 trình bày đã có đất canh tác, đồng thời ông H trình bày có nhu cầu sử dụng đất và đồng ý chia bằng giá trị quyền sử dụng đất. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy chia cho ông L, ông Hải và bà L1 một kỷ phần thừa kế giá trị là 281.820.000đ, ông H được quyền sử dụng phần đất 469,7m^2 của kỷ phần thừa kế này.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông Phan Văn S và bà Huỳnh Thị B đồng ý nhường kỷ phần thừa kế lại cho ông H. Ông H cũng không có ý kiến. Vì vậy cần giao cho ông H các kỷ phần thừa kế của ông Sáu và bà Bé. Đây là ý chí tự nguyện của ông Sáu và bà Bé, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: tại phiên Tòa các đượng sự thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các đương sự phải chịu án phí như sau:

- Các nguyên đơn phải chịu 281.820.000đ x 5% = 14.091.000đ.

- Ông L, ông Hải và bà L1 phải chịu 281.820.000đ đồng x 5% = 14.091.000đ.

- Ông H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 288, 357, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660, Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào các điều 95, 100, 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C. Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Huỳnh Thị L1 và Huỳnh Văn H1 về việc chia thừa kế đối với phần di sản của bà Phan Thị H3.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế là đất của người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan Phan Văn S và bà Huỳnh Thị B cho ông Phan Văn H.

Bị đơn Phan Văn H có nghĩa vụ giao cho các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim C 469,7m^2 đất được chia thừa kế thuộc thửa 244 tờ bản đồ số 1 tại ấp Phú Long xã Phú Phong huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00515/QSDĐ/DP do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 11/11/1996 cấp cho bà Phan Thị H3, đất có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đất được chia cho ông Phan Văn H.
+ Tây giáp thửa đất Phan Trung Đông và Phan Anh K.
+ Nam giáp thửa đất Phan Anh K.
+ Bắc giáp đường đi công cộng. (Có sơ đồ kèm theo)

Bị đơn Phan Văn H có nghĩa vụ giao cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Thị L1 281.820.000 đồng (Hai trăm tám mươi mốt triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng);

Kể từ ngày ông L, ông Hải và bà L1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Phan Văn H chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Giao cho Ông Phan Văn H hưởng thừa kế các di sản sau:

- 1.878.7m^2 đất thuộc thửa 244 tờ bản đồ số 1 tại ấp Phú Long xã Phú Phong huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00515/QSDĐ/DP do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 11/11/1996 cấp cho bà Phan Thị H3. Có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp kênh công cộng.

+ Tây giáp đất chia cho các nguyên đơn Phan Anh K, Huỳnh Thị T3, Phan Thị Thu T1, Phan Thị Thu T, Phan Thị Kim T2 và Phan Thị Kim.

+ Nam giáp thửa đất Phan Anh K.

+ Bắc giáp đường đi công cộng. (Có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai biến động quyền sử dụng đất theo qui định tại điều 95 của Luật Đất đai.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các nguyên đơn có nghĩa vụ liên đới chịu 14.091.000đ. Các nguyên đã nộp 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 26842 ngày 22/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên phải nộp tiếp 13.091.000 đồng.

- Ông L, ông Hải và bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu 14.091.000đ. Ông L, ông Hải và bà L1 đã tạm nộp 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01458 ngày 17/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên phải nộp tiếp 13.091.000 đồng.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Phan Văn H.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Ngọc Hồ